



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo soát xét	3
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay Công ty đã có 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12 tháng 04 năm 2010. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 28/12/2006

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2010: 41.370.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 240 Trần Bình Trọng, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84) 08.38335798
- Fax: (84) 08.38307141

Ngành nghề kinh doanh chính

- In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục;
- Mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các nhà Xuất bản khác;
- Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Kinh doanh ăn uống;
- Kinh doanh bất động sản.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến 30/06/2010 là 36 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 5 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Hoàng Văn Đại | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 15/04/2009 |
| • Bà Nguyễn Thị Chung | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 22/04/2009 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- | | | |
|----------------------|---------|------------------------------|
| • Ông Phạm Cảnh Toàn | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 15/04/2009 |
| • Ông Bùi Tất Tươi | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Phan Xuân Phương | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 22/04/2009 |
| • Bà Huỳnh Thị Thùy Trang | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 22/04/2009 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 22/04/2009 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------------|----------------|------------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Chung | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15/04/2009 |
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |
| • Ông Phạm Cảnh Toàn | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15/04/2009 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Nguyễn Thị Chung
Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2010



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 1249/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2010

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 được lập ngày 22/07/2010 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 4 đến trang 21. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng các Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2010, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

KT. Tổng Giám đốc

Lê Khắc Minh

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0103/KTV

Trần Thị Nở

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1135/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		77.298.182.206	65.714.786.494
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.067.723.901	10.007.478.686
1. Tiền	111		1.067.723.901	3.007.478.686
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	7.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.759.869.633	16.063.817.368
1. Phải thu khách hàng	131		23.657.655.261	15.613.399.494
2. Trả trước cho người bán	132		1.233.792.983	524.663.179
3. Các khoản phải thu khác	135		-	57.333.306
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(131.578.611)	(131.578.611)
IV. Hàng tồn kho	140	6	49.034.212.931	39.306.988.797
1. Hàng tồn kho	141		49.912.216.931	40.184.992.797
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(878.004.000)	(878.004.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		436.375.741	336.501.643
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.004.281	12.008.563
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	430.371.460	324.493.080
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.048.388.729	23.219.830.451
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		16.221.769.149	15.852.988.903
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.290.206.256	921.426.010
- Nguyên giá	222		2.297.252.288	1.795.161.379
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.007.046.032)	(873.735.369)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	14.931.562.893	14.931.562.893
- Nguyên giá	228		14.931.562.893	14.931.562.893
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	1.912.358.142	2.127.376.360
1. Đầu tư dài hạn khác	258		2.004.001.360	2.199.251.360
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(91.643.218)	(71.875.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.914.261.438	5.239.465.188
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	4.914.261.438	5.239.465.188
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		100.346.570.935	88.934.616.945

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		53.059.418.102	41.571.889.964
I. Nợ ngắn hạn	310		52.545.870.500	41.548.480.062
1. Phải trả người bán	312		47.245.379.689	34.598.203.082
2. Người mua trả tiền trước	313		540.234.378	861.385.651
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	1.446.802.640	1.318.514.654
4. Phải trả người lao động	315		635.805.839	1.438.982.631
5. Chi phí phải trả	316	13	1.644.933.503	814.007.553
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	95.060.860	1.003.348.901
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		937.653.591	1.514.037.590
II. Nợ dài hạn	330		513.547.602	23.409.902
1. Phải trả dài hạn khác	333	15	300.000.000	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		13.547.602	23.409.902
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	16	200.000.000	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		47.287.152.833	47.362.726.981
I. Vốn chủ sở hữu	410		47.287.152.833	47.362.726.981
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	41.370.000.000	41.370.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		140.000.000	140.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(1.162.820.000)	(407.500.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	17	2.443.458.930	2.443.458.930
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	17	1.517.632.156	1.517.632.156
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	2.978.881.747	2.299.135.895
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		100.346.570.935	88.934.616.945

Giám đốc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chung
Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2010

Nguyễn Thị Lan Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	18	33.927.387.409	30.693.772.510
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	191.579.951	778.072.773
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	18	33.735.807.458	29.915.699.737
4. Giá vốn hàng bán	11	19	28.637.666.528	24.392.664.421
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		5.098.140.930	5.523.035.316
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	687.965.441	113.118.142
7. Chi phí tài chính	22	21	34.005.456	944.752.600
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	928.752.600
8. Chi phí bán hàng	24		2.110.461.449	1.398.561.387
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.819.086.997	1.733.004.210
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.822.552.469	1.559.835.261
11. Thu nhập khác	31		-	4.795.636
12. Chi phí khác	32	22	183.799.577	-
13. Lợi nhuận khác	40		(183.799.577)	4.795.636
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	23	1.638.752.892	1.564.630.897
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	959.007.040	257.253.769
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	23	679.745.852	1.307.377.128
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	168	872

Giám đốc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chung
Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2010

Nguyễn Thị Lan Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	25.649.291.056	32.235.545.538
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(28.414.587.665)	(29.055.718.818)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.511.664.449)	(1.489.367.007)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(928.752.600)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(840.941.972)	(189.761.944)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	286.380.757	257.913.267
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(718.714.399)	(2.632.291.188)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5.550.236.672)	(1.802.432.752)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(502.090.909)	(29.527.455)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(642.450.000)	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	837.700.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	484.252.796	113.118.142
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	177.411.887	83.590.687
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	(755.320.000)	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	300.000.000
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(811.610.000)	(897.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.566.930.000)	(597.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(6.939.754.785)	(2.315.842.065)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.007.478.686	3.214.897.983
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.067.723.901	899.055.918

Giám đốc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chung
Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2010

Nguyễn Thị Lan Phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay Công ty đã có 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12 tháng 04 năm 2010. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu là 28/12/2006.

Ngành nghề kinh doanh chính

- In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục;
- Mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các nhà Xuất bản khác;
- Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Kinh doanh ăn uống;
- Kinh doanh bất động sản.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; các quy định sửa đổi, bổ sung theo có liên quan và hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu kỳ sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

4.7 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp thuê đất).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.12 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.13 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không có khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang thực hiện

- Thuế Giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: thuộc đối tượng không chịu thuế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: áp dụng thuế suất 5%
- ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	619.444.102	712.336.264
Tiền gửi ngân hàng	448.279.799	2.295.142.422
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có KH dưới 3 tháng)	2.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	3.067.723.901	10.007.478.686

6. Hàng tồn kho

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.889.736.618	15.733.350.932
Chi phí SX, KD dở dang	1.951.328.511	1.428.020.897
Thành phẩm	30.071.151.802	23.023.620.968
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(878.004.000)	(878.004.000)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	49.034.212.931	39.306.988.797

7. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Tạm ứng	356.571.460	324.493.080
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (đặt cọc tiền thuê kho)	73.800.000	-
Cộng	430.371.460	324.493.080

8. Tài sản cố định hữu hình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	798.280.564	754.547.517	242.333.298	1.795.161.379
Mua sắm trong năm	-	481.090.909	21.000.000	502.090.909
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	798.280.564	1.235.638.426	263.333.298	2.297.252.288
Khấu hao				
Số đầu năm	113.089.746	580.329.616	180.316.007	873.735.369
Khấu hao trong năm	39.914.029	76.242.582	17.154.052	133.310.663
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	153.003.775	656.572.198	197.470.059	1.007.046.032
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	685.190.818	174.217.901	62.017.291	921.426.010
Số cuối năm	645.276.789	579.066.228	65.863.239	1.290.206.256

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2010 là: 128.546.176 đồng.

9. Tài sản cố định vô hình: Là quyền sử dụng đất lâu dài tại số 05 Bình Thới, Phường 11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Đầu tư dài hạn khác (đầu tư cổ phiếu)	2.004.001.360	2.199.251.360
- Cty CP Siêu thị Tổng hợp Tân An (50.000 CP)	600.000.000	600.000.000
- Cty CP TBTH Sóc Trăng (40.000 CP)	840.000.000	840.000.000
- Cty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục (45.294)	481.251.360	759.251.360
- Cty CP Sách và TBTH Long An (7.200 CP)	82.750.000	-
Dự phòng tổn thất đầu tư vào Cty CP Siêu thị TH Tân An	(91.643.218)	(71.875.000)
Cộng	1.912.358.142	2.127.376.360

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, cổ phiếu của Công ty CP Sách & Thiết bị trường học Long An và Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh giáo dục có thị giá cao hơn giá gốc đầu tư, Báo cáo tài chính của 2 Công ty này đều có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn

Công ty không nhận được Báo cáo tài chính của Công ty CP Thiết bị Giáo dục Sóc Trăng và cũng không có được nguồn dữ liệu nào đáng tin cậy về thị giá của Cổ phiếu này. Theo đó, khoản đầu tư của 3 công ty trên được ghi nhận theo giá gốc đầu tư và không trích lập dự phòng.

11. Chi phí trả trước dài hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Chi phí tổ chức bản thảo	4.902.111.438	5.239.465.188
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	12.150.000	-
Cộng	4.914.261.438	5.239.465.188

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	61.820.212	24.096.176
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.260.392.502	1.142.327.433
Thuế thu nhập cá nhân	124.589.926	152.091.045
Cộng	1.446.802.640	1.318.514.654

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

13. Chi phí phải trả

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Trích trước chi phí bản thảo phải trả cho NXB	1.144.933.503	814.007.553
Trích trước chi phí hoa hồng môi giới	500.000.000	-
Cộng	1.644.933.503	814.007.553

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Kinh phí công đoàn	84.226.948	154.694.536
Bảo hiểm xã hội	1.741.610	-
Cổ tức phải trả cho cổ đông	3.000.000	814.610.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.092.302	34.044.365
Cộng	95.060.860	1.003.348.901

15. Phải trả dài hạn khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (đặt cọc tiền thuê nhà)	300.000.000	-
Cộng	300.000.000	

16. Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền thuê nhà nhận trước	200.000.000	-
Cộng	200.000.000	

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LNST chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2009	15.000.000.000	-	1.953.890.030	1.517.632.156	1.035.325.106
Tăng trong năm	26.370.000.000	(407.500.000)	489.568.900	-	5.420.052.919
Giảm trong năm	-	-	-	-	4.156.242.130
Số dư tại 31/12/2009	41.370.000.000	(407.500.000)	2.443.458.930	1.517.632.156	2.299.135.895
Số dư tại 01/01/2010	41.370.000.000	(407.500.000)	2.443.458.930	1.517.632.156	2.299.135.895
Tăng trong năm	-	(755.320.000)	-	-	679.745.852
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2010	41.370.000.000	(1.162.820.000)	2.443.458.930	1.517.632.156	2.978.881.747

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	30/06/2010 VND	Tỷ lệ %	31/12/2009 VND
Vốn đầu tư của NXBGD	21,27	8.800.000.000	26,03	10.770.000.000
Vốn của các cổ đông khác	76,31	31.570.000.000	73,12	30.250.000.000
Cổ phiếu ngân quỹ	2,42	1.000.000.000	0,85	350.000.000
Cộng	100	41.370.000.000	100	41.370.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	30/06/2010 Cổ phiếu	31/12/2009 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu thường	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	100.000	35.000
- Cổ phiếu thường	100.000	35.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.037.000	4.102.000
- Cổ phiếu thường	4.037.000	4.102.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d. Cổ phiếu quỹ

Nhằm mục đích bình ổn giá cổ phiếu SGD trên thị trường. Công ty đã mua lại 100.000 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ từ ngày 07/12/2009 đến ngày 07/3/2010.

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	2.299.135.895	1.035.325.106
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	679.745.852	5.420.052.919
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế	-	4.156.242.130
+ Chia cổ tức	-	2.311.660.000
+ Trích bổ sung quỹ ĐTPT	-	489.568.900
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	1.084.010.584
+ Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	271.002.646
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.978.881.747	2.299.135.895

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Tổng doanh thu	33.927.387.409	30.693.772.510
+ Doanh thu bán sách giáo khoa, sách tham khảo	32.537.053.127	30.680.748.914
+ Doanh thu hoạt động khác	1.390.334.282	13.023.596
Các khoản giảm trừ doanh thu	191.579.951	778.072.773
+ Hàng bán bị trả lại	191.579.951	778.072.773
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.735.807.458	29.915.699.737

19. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	27.346.827.837	24.380.174.443
Giá vốn hoạt động khác	1.290.838.691	12.489.978
Cộng	28.637.666.528	24.392.664.421

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	300.139.996	18.509.142
Lãi từ đầu tư chứng khoán	166.100.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	184.112.800	94.609.000
Chiết khấu thanh toán nhanh	37.612.645	-
Cộng	687.965.441	113.118.142

21. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Lãi tiền vay	-	928.752.600
Chiết khấu thanh toán	14.237.238	16.000.000
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn	19.768.218	-
Cộng	34.005.456	944.752.600

22. Chi phí khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Thuế TNCN, thuế GTGT truy thu từ 2006 - 2008	183.799.577	-
Cộng	183.799.577	-

23. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.638.752.892	1.564.630.897
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	9.686.777	(94.609.000)
Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	193.799.577	-
Điều chỉnh giảm (Cổ tức, lợi nhuận được chia)	184.112.800	94.609.000
Tổng thu nhập chịu thuế	1.648.439.669	1.470.021.897
Thuế thu nhập doanh nghiệp	412.109.827	367.505.384
Thuế TNDN được giảm theo TT03/2009/TT - BTC	-	110.251.615
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	959.007.040	257.253.769
- Chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	412.109.827	257.253.769
- Chi phí thuế TNDN các năm trước điều chỉnh vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	546.897.213	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	679.745.852	1.307.377.128

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	679.745.852	1.307.377.128
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
+ LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	679.745.852	1.307.377.128
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.056.798	1.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	168	872

25. Cổ tức

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Cổ tức đã công bố của năm 2009 là 12%/vốn điều lệ. Trong đó: 10% đã được chi trả trong năm 2009, Công ty cũng đã chi trả 2% cổ tức còn lại của năm 2009 vào tháng 3/2010.

26. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Nhà Xuất bản Giáo dục VN	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP.Hà Nội	Chung công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
NXBGD tại TPHCM	Chung công ty đầu tư
CTY CP Bản Đồ & Tranh ảnh GD	Chung công ty đầu tư
CN.NXBGD tại TP. Cần Thơ	Chung công ty đầu tư
CTY CP IN SGK tại TPHCM	Chung công ty đầu tư
CTY CP SGD tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
CTY CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
CTY CP Sách ĐH dạy nghề	Chung công ty đầu tư
CTY CP Học liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
CTY CP Sách & TBTH TPHCM	Chung công ty đầu tư
CTY CP ĐT & PT Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
CTY CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư
CTY CP Mỹ Thuật Sao Mai	Chung công ty đầu tư
CTY CP Mỹ Thuật & Truyền Thông	Chung công ty đầu tư
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
CTY CP Sách & TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
CTY CP Sách & TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư
CTY CP Sách & TB Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
CTY CP Sách TBGD Bình Dương	Chung công ty đầu tư
CTY CP Học liệu Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
CTY CP Công nghệ thông tin Trí Đức	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ gồm:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Bán hàng		
CTY CP SGD tại TP. Hà Nội	Cung ứng sách tham khảo	2.348.458.655
CTY CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Cung ứng sách tham khảo	973.894.595
CTY CP Học liệu (EMCO)	Cung ứng sách tham khảo	1.047.156.400
CTY CP Sách & TBTH TPHCM	Cung ứng sách tham khảo	688.359.823
CTY CP Mỹ Thuật Sao Mai	Cung ứng sách tham khảo	437.130.663
CTY CP Sách TBGD Bình Dương	Cung ứng sách tham khảo	262.798.139
Mua hàng		
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	Nhập sách tham thảo	241.764.600
CTY CP Bản Đồ & Tranh ảnh GD	Nhập sách tham thảo	1.636.359.200
CTY CP SGD tại TP. Hà Nội	Nhập sách tham thảo	4.285.162.260
CTY CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Nhập sách tham thảo	3.161.244.800
CTY CP Sách ĐH dạy nghề	Nhập sách tham thảo	979.488.423
CTY CP Sách & TBTH TPHCM	Nhập sách tham thảo	688.359.823
CTY CP ĐT & PT Giáo dục Đà Nẵng	Nhập sách tham thảo	564.323.220
CTY CP Sách Dân Tộc	Nhập sách tham thảo	2.954.699.670
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Nhập sách	3.534.798.101
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	Nhập sách	745.717.170
CTY CP Mỹ Thuật Sao Mai	Tiền chế bản, in ấn	276.938.308
CTY CP Mỹ Thuật & Truyền Thông	Nhập sách tham thảo	485.104.352
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Hà Nội	Tiền bản thảo	262.155.000
CTY CP Sách & TBGD Miền Nam	Nhập sách tham thảo	1.383.000.472
CTy CP Sách & TBGD Cửu Long	Nhập sách giáo khoa	3.486.769.496

c. Vào ngày 30/06/2010, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty liên quan	Phải thu VND	Phải trả VND
NXBGD tại TP.Hà Nội		4.037.934.017
NXBGD tại TP. Đà Nẵng		1.184.525.745
NXBGD tại TPHCM		2.009.523.540
CTY CP Bản Đồ & Tranh ảnh GD		2.176.904.995
CTY CP SGD tại TP. Hà Nội		1.816.394.943
CTY CP SGD tại TP. Đà Nẵng		2.763.461.801
CTY CP Sách ĐH dạy nghề		1.870.249.647
CTY CP Học liệu (EMCO)	754.761.450	
CTY CP Sách & TBTH TPHCM	212.495.489	
CTY CP ĐT & PT Giáo dục Đà Nẵng		903.460.102
CTY CP Sách Dân Tộc		1.945.745.144
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam		1.460.334.000
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội		771.625.188
CTY CP Mỹ Thuật & Truyền Thông		555.354.208
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Gia Định		421.460.517
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Hà Nội		1.665.456.025
CTY CP Sách & TBGD Miền Nam		1.383.000.472
CTY CP Sách TBGD Cửu Long	713.701.560	
CTY CP Sách & TB Bình Thuận	283.464.761	

27. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

28. Số liệu so sánh

Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại theo quy định của Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chung

Nguyễn Thị Lan Phương

Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2010